MẪU SỐ 5A

HỒ SƠ MỜI THẦU
DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN QUA MẠNG
MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT *(trên Hệ thống)*:	TB2026-075
Tên gói thầu *(theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống)*:	Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo nhóm 2, thiết bị đo cho hệ thống quan trắc nước thải, thiết bị đo cho phòng thí nghiệm Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
Phát hành ngày *(theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống)*:	15/04/2026
Ban hành kèm theo Quyết định *(theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống)*:	Quyết định số 429 /QĐ-NMĐTB2 ngày 15./04/2026 của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (HSMT) gói thầu "TB2026-075: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo nhóm 2, thiết bị đo cho hệ thống quan trắc nước thải, thiết bị đo cho phòng thí nghiệm Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2".

(Nguồn vốn sử dụng cho gói thầu là nguồn vốn sản xuất kinh doanh và việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu này được thực hiện theo Quy định mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc giaViệt Nam được phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định số 200/QĐ-CNPĐ ngày 22/01/2026 và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) *của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí (viết tắt là QĐMS) và đăng tải tại địa chỉ https://muasam.pvpgb.vn)*

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Phụ lục. Các ví dụ

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMT	Thông báo mời thầu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
VND	đồng Việt Nam
QĐMS	Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc giaViệt Nam được phê duyệt và ban hành tại Quyết định số 200/QĐ-CNPĐ ngày 22/01/2026 và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí và đăng tải tại địa chỉ https://muasam.pvpgb.vn
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu
PVN	Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc giaViệt Nam
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ http://muasamcong.mpi.gov.vn
ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT, cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của HSDT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính;
- Mục 5: Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có).

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMT và HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

Phụ lục. Các ví dụ

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại **BDL** phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại **BDL**.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại **BDL**.
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDT hoặc rút HSDT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong lựa chọn nhà thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, tổ chuyên gia, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu; d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động lựa chọn nhà thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng. 4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư, tổ chuyên gia hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư, tổ chuyên gia không đúng quy định của QĐMS; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu; c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu; d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư, tổ chuyên gia trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình (có cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột của mình, của vợ/chồng mình) đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu; đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định HSMT; đánh giá HSDT; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng; e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu do Chi nhánh tổ chức lựa chọn nhà thầu là nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại Chi nhánh; g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	i) Chia nhỏ dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu. 4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 6, điểm c khoản 8 Điều 87, khoản 10 Điều 88, khoản 4 Điều 89, khoản 2 Điều 90 của QĐMS, bao gồm: a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT; báo cáo của TCG, báo cáo thẩm định; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDT mà không được người có thẩm quyền chấp thuận; c) Người có thẩm quyền chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Người có thẩm quyền chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Đối với nhà thầu trong nước: có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu nước ngoài: có đăng ký, hoạt động theo pháp luật nước ngoài; b) Hạch toán tài chính độc lập, trừ các trường hợp là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc giaViệt Nam; c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của Giám đốc Chi nhánh, Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc PVN; đ) Có tên trong danh sách ngắn (đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn); e) Bảo đảm độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính theo quy định tại **BDL**. 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d, e khoản 5.1 trên. 5.3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d, e khoản 5.1 Điều này. Nhà thầu có tư cách hợp lệ theo quy định tại các Mục 5.1, Mục 5.2 và Mục 5.3 CDNT được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh.
6. Nội dung của HSMT	6.1. HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: **Phần 1. Thủ tục đấu thầu:** - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. **Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:** - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng: - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. 6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (file scan HSMT đã được sửa đổi đính kèm). Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 07 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. 7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. 7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **BDL**. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. 7.6. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. 7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp HSDT theo quy định tại **BDL**. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của HSDT	HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT;

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT**;** 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có); 10.8. Các nội dung khác theo quy định tại **BDL**.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được nêu trong HSMT để hoàn thành HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT	12.1. Trường hợp HSMT có quy định tại **BDL** về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Chủ đầu tư có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu tự trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV vào đơn dự thầu. b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột "đơn giá" nhà thầu ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ. c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	bao gồm dự phòng. d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột "Danh mục dịch vụ" theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV. 13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. 13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V. 15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.
16. Tài liệu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ. 16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.
17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT	17.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng và đính kèm khi nộp HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của QĐMS dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của QĐMS dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó). 18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). 18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. 18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư: a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	b) Nhà thầu vi phạm quy định của QĐMS dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây: - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT; - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 107 của QĐMS dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của QĐMS; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 5 ĐKC Chương VI của HSMT; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng. 18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. 18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây: a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự; b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc thư bảo lãnh dự thầu với giá trị quy định tại Mục 18.2 CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền với giá trị quy định tại Mục 18.2 CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Chi nhánh trong 6 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư ban hành quyết định xử lý vi phạm). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này. 18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại **BDL**.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT. 19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
20. Nộp, rút và sửa đổi HSDT	20.1. Nộp HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 20.2. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới cho phù hợp với HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại HSDT thì HSDT đã nộp trước thời điểm HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 20.3. Rút HSDT: nhà thầu được rút HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	gian có hiệu lực của HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDT của nhà thầu. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi HSMT và nhà thầu không nộp HSDT mới cho phù hợp với HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.
21. Mở thầu	21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của HSDT; - Thời gian thực hiện hợp đồng; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. 23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được Chủ đầu tư bảo quản như một phần của HSDT. 23.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT. 23.4. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 CDNT. 23.5. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. 23.6. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	24.1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT. 24.2. "Đặt điều kiện" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT. 24.3. "Bỏ sót nội dung" là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.
25. Xác định tính đáp ứng của HSDT	25.1. Chủ đầu tư sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT. 25.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT . 25.3. Chủ đầu tư phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT nhằm làm cho HSDT đó đáp ứng cơ bản HSMT.
26. Sai sót không nghiêm	26.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

trọng	cơ bản trong HSDT. 26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư. 26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.
27. Nhà thầu phụ	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ. 27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại **BDL**. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh. 27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	của gói thầu. 27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 107 của QĐMS thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 108 của QĐMS. 27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định HSMST, HSMT; đánh giá HSDST, HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	Không áp dụng
29. Đánh giá HSDT	29.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại **BDL** để đánh giá HSDT. 29.2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá HSDT tại Mục 29.1 CDNT, Chủ đầu tư chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá HSDT. 29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp "Giá đánh giá" và "Giá thấp nhất"): a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III: - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III: - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính. d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III. đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại **BDL**. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	nhà thầu. e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. 29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp "giá thấp nhất" và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất): a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu Chủ đầu tư tiến hành sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch của tất cả các HSDT theo quy định tại khoản 7 Điều 38 của QĐMS; đánh giá HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất sau khi đã sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này. b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 CDNT. c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 CDNT. d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 CDNT. đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu. Trường hợp HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo. 29. 5. Nguyên tắc đánh giá HSDT: a) Đối với các nội dung bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của HSMT thì Tổ chuyên gia đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận; b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) để đánh giá; c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại; d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện hợp đồng này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 107 của QĐMS và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 108 của QĐMS. Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 38 của QĐMS), trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch mua sắm hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu. đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 38 của QĐMS; e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong HSDT (bao gồm cả làm rõ HSDT). Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.
30. Đối chiếu tài liệu	30.1. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT, bao gồm: a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt theo quy định tại Mục 18.8 CDNT; b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh; c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh; d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật…); đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong HSDT; e) Tài liệu khác (nếu có). 30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 CDNT. 30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống và/hoặc thư điện tử (Email) và/hoặc Fax và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 31.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III. 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III. 31.4. Có giá trị sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu. 31.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại **BDL**. 31.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại **BDL**.
32. Hủy thầu	32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT; b) Khi không còn nhu cầu sử dụng dịch vụ hoặc khi thay đổi tính chất, phạm vi sử dụng đối với gói thầu dịch vụ; hoặc khi thay đổi đặc tính/thông số kỹ thuật của hàng hóa do đặc tính/thông số kỹ thuật trong HSMT không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật; c) Nội dung HSMT không tuân thủ quy định của QĐMS hoặc đặc tính/thông số kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ nêu trong HSMT không nhất quán dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Tất cả các nhà thầu tham dự thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định QĐMS dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	của QĐMS. 32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 32.1 CDNT.
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện hợp đồng. b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu. 33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

34. Thay đổi khối lượng dịch vụ	34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại **BDL** và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%. 34.2. Tùy chọn mua thêm: Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại **BDL** và đáp ứng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 33 của QĐMS. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
35. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống và/hoặc thư điện tử (Email) và/hoặc Fax và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống và/hoặc thư điện tử (Email) và/hoặc Fax và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh.
36. Điều kiện ký kết hợp đồng	36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu. 36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 **ĐKC** Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89 của Luật Đấu thầu 2023 và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại **BDL**.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc giaViệt Nam.
CDNT 1.2	Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo nhóm 2, thiết bị đo cho hệ thống quan trắc nước thải, thiết bị đo cho phòng thí nghiệm Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục CDNT 18.2 Chương này.
CDNT 3	Nguồn vốn: Nguồn vốn sản xuất kinh doanh năm 2026 của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo QĐMS được đăng tải trên website https://muasam.pvpgb.vn
CNDT 5.1 (e)	Bảo đảm độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc giaViệt Nam (trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam). - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên (trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam), cụ thể như sau: + Tư vấn lập thiết kế: Không có. + Tư vấn thẩm định giá: Không có. + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Không có. + Tư vấn lập HSMT: Không có. + Tư vấn thẩm định HSMT: Không có. + Tư vấn đánh giá HSDT: Không có. + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không có. + Tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không có.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	Lưu ý: Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^{n} X_i \times Y_i$$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.
CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
CDNT 8	Chi phí nộp HSDT: Nhà thầu tự chịu chi phí theo quy định của Hệ thống
CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật. - Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo quy định tại Nghị định số 105/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP và Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN) do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp còn hiệu lực tối thiểu 02 tháng kể từ thời điểm đóng thầu. - Quyết định về việc chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo quy định tại Nghị định số 105/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP và Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN) do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp còn hiệu lực tối thiểu 02 tháng kể từ thời điểm đóng thầu. - Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu tối thiểu 02 tháng kể

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	từ thời điểm đóng thầu. - Và các giấy phép/giấy tờ/tài liệu khác tương đương còn hiệu lực phù hợp với phạm vi công việc của gói thầu. ***Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu trên và dẫn chiếu danh mục được cấp phép tương ứng với từng phạm vi công việc của gói thầu.*** Trường hợp Nhà thầu tham gia với tư cách là Liên danh hoặc sử dụng nhà thầu phụ: Từng thành viên trong Liên danh phải cung cấp đầy đủ các loại giấy phép, giấy tờ nêu trên phù hợp theo phạm vi công việc
CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 80.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng). - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 120 ngày.
CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
CDNT 18.9	Không áp dụng.
CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 00% giá dự thầu của nhà thầu
CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất.
CDNT 29.3 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
CDNT 31.5	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
CDNT 31.6	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch mua sắm. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%. Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%.
CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%.
CDNT 38.2	- Người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Giám đốc Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. + Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên. + Điện thoại: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678 - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị: Không có.

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1a. Có đơn dự thầu được người đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do người đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh.

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hằng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	**Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu**	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023[(1)] đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu [(2)].	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	**Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế**	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế[(3)] của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	**Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)[(4)]**	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03[(5)]năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 7.335.599.723 [(6)]VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	**Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự**	Nhà thầu đã hoàn thành[(7)] tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ[(8)] trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 [(9)] đến thời điểm đóng thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

		Trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: là Hợp đồng cung cấp đầy đủ các phạm vi công việc của gói thầu. Do gói thầu có nhiều loại dịch vụ khác nhau, Nhà thầu thực hiện theo yêu cầu về hợp đồng tương tự tại Bảng Y. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 1.613.831.940 (11) VND. Do gói thầu có nhiều loại dịch vụ khác nhau, Nhà thầu thực hiện theo yêu cầu về hợp đồng tương tự tại Bảng Y. Nhà thầu đính kèm hợp đồng cùng: Các tài liệu chứng minh giá trị thực hiện (Biên bản nghiệm thu/chứng chỉ nghiệm thu cuối cùng/Biên bản thanh lý hợp đồng/Xác nhận của bên mua cho các hợp đồng này, hóa đơn tài chính và các chứng từ chuyển tiền (nếu có)) hoặc các tài liệu khác tương đương				

.

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 108 của QĐMS thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

(năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2…).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện hợp đồng theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,0.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10), (11) Hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục công việc để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục chính hoặc mỗi hạng mục công việc. Quy mô của hợp đồng tương tự thông thường khoảng 30% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 30% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn có khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống trong khoảng 20% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 20% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu (hoặc giá trị tương ứng của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); hoặc

(ii) Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét (hoặc giá trị của từng hạng mục chính tương ứng trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu) và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị hạng mục của gói thầu đang xét (hoặc giá trị của hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 04 năm với giá trị 8.800.000.000 đồng thì HSMT có thể yêu cầu về giá trị của hợp

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 660.000.000 đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với Chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà thầu X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 660.000.000 đồng;

- Nhà thầu X có hợp đồng hoàn thành N1 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 06 tháng với giá trị là 300.000.000 đồng; hợp đồng N2 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng với giá trị là 800.000.000 đồng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 400.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục dọn vệ sinh tòa nhà của nhà thầu X là 700.000.000 đồng.

Ví dụ 2: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ giặt là, giá gói thầu là 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 06 tháng yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 03 tỷ đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 02 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 01 tỷ đồng thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

Ví dụ 3: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ gồm 02 hạng mục công việc khác nhau (N1, N2) với giá gói thầu là 07 tỷ đồng (trong đó, hạng mục N1 giá trị 04 tỷ đồng; hạng mục N2 giá trị 03 tỷ đồng), thời gian thực hiện 60 ngày, yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 2,1 tỷ đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có 1 hợp đồng đã hoàn thành có đầy đủ 02 hạng mục N1, N2 và tổng giá trị 02 hạng mục N1, N2 là 2,5 tỷ đồng.

- Nhà thầu X có các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,8 tỷ đồng, tổng giá trị hạng mục công việc N1 đã được nghiệm thu là 1,3 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N1 (30% x 04 tỷ đồng).

+ Hợp đồng C (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,6 tỷ đồng; hợp đồng D (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục công việc N2 là 1,1 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N2 (30% x 03 tỷ đồng).

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Bảng Y

BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều hạng mục dịch vụ)

STT	Danh mục dịch vụ	Giá trị được coi là tương tự (VND)[(1)]
1	Kiểm định, hiệu chuẩn, quan trắc đối chứng, lập báo cáo đánh giá cho hệ thống quan trắc	661.696.615
2	Bảo dưỡng thiết bị hệ thống quan trắc tự động	87.563.520
3	Cung cấp vật tư thiết bị tiêu hao	864.571.805

Ghi chú:

(1) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10), (11) Bảng số 01 Chương này.

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông.

Trường hợp HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện hợp đồng này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 107 của QĐMS và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 108 của QĐMS.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được nêu cụ thể trong HSMT. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (1)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn
1	Quản lý chung/Chỉ huy trưởng	01	- Đã từng là quản lý chung/chỉ huy trưởng của ít nhất 01 công trình/hợp đồng có tính chất tương tự như gói thầu đang xét bao gồm đầy đủ các phạm vi công việc: kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trạm quan	- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hóa/môi trường/điện/ điện tử/tự động hóa/đo lường điều khiển. - Có chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện ATLĐ hoặc thẻ an

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

			trắc nước thải, khí thải hoặc bảo dưỡng sửa chữa thiết bị của hệ thống quan trắc tự động. *(Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh Nhà thầu đã hoàn thành phạm vi cung cấp của Hợp đồng đã ký. Trường hợp phạm vi công việc của Hợp đồng đã ký được thực hiện theo số đợt (lần)/năm (quy định của Nhà nước/Hợp đồng đã ký) thì Nhà thầu cung cấp biên bản nghiệm thu/xác nhận của Chủ đầu tư về việc hoàn thành phạm vi công việc của đợt (lần)/năm.*	toàn lao động phù hợp còn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu *(Cung cấp các bằng tốt nghiệp, hợp đồng lao động/thuê lao động và tài liệu liên quan kèm theo HSDT).*
2	Cán bộ phụ trách an toàn	1	- Đã từng tham gia công tác an toàn của ít nhất 01 Hợp đồng/ công trình kiểm định/hiệu chuẩn/bảo dưỡng sửa chữa thiết bị của hệ thống quan trắc tự động.	- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên. - Có chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện ATLĐ hoặc thẻ an toàn lao động (Nhóm 2) phù hợp còn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu. *(Cung cấp các bằng tốt nghiệp, hợp đồng lao động/thuê lao động và tài liệu liên quan kèm theo HSDT)*
3	Cán bộ phụ trách bảo dưỡng thiết bị quan trắc	02	- Đã từng tham gia ít nhất 01 công trình/hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa thiết bị của hệ thống quan trắc tự động.	- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hóa/ môi trường/ điện/ điện tử/ tự động hóa/ đo lường điều khiển. - Có chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện ATLĐ hoặc thẻ an toàn lao động còn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

				(Cung cấp các bằng tốt nghiệp, hợp đồng lao động/thuê lao động và tài liệu liên quan kèm theo HSDT)
4	Cán bộ phụ trách kiểm định, hiệu chuẩn, phương tiện đo	02	- Đã từng tham gia ít nhất 01 công trình/hợp đồng kiểm định hiệu chuẩn phương tiện đo. (thuộc một trong các nhóm thiết bị đo lường sau đây: thiết bị quan trắc môi trường (nước thải, khí thải)/ thiết bị đo online/ thiết bị phòng thí nghiệm/ thiết bị đo lường. Trong đó, 01 cán bộ phụ trách kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị phòng thí nghiệm/đo lường; 01 cán bộ phụ trách kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc tự động.	- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hóa/môi trường/điện/ điện tử/tự động hóa/ đo lường điều khiển. - Có thẻ hoặc chứng chỉ kiểm định viên còn hiệu lực và phù hợp với PVCV đảm nhiệm nhiệm trong gói thầu. - Có chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện ATLĐ hoặc thẻ an toàn lao động còn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu *(Cung cấp các bằng tốt nghiệp, hợp đồng lao động/thuê lao động và tài liệu liên quan kèm theo HSDT)*
6	Cán bộ phụ trách lấy mẫu, phân tích, lập báo cáo đánh giá quan trắc đối chứng	02	- Đã từng tham gia ít nhất 01 công trình/hợp đồng lấy mẫu, quan trắc, phân tích, lập báo cáo đánh giá quan trắc đối chứng	- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hóa/môi trường/điện/ điện tử/tự động hóa/ đo lường điều khiển. - Có chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện ATLĐ hoặc thẻ an toàn lao động còn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu. *(Cung cấp các bằng tốt nghiệp, hợp đồng lao động/thuê lao động và tài liệu liên quan kèm theo HSDT)*

Ghi chú:

– Đối với kinh nghiệm trong các công việc tương tự: Nhà thầu phải cung cấp cùng HSDT: hợp đồng đã hoàn thành hoặc đang thực hiện kèm theo biên bản nghiệm thu có

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

xác nhận của CĐT, quyết định phân công/bổ nhiệm hoặc các tài liệu chứng minh có giá trị tương đương.

– Đối với chứng chỉ/trình độ chuyên môn: Nhà thầu phải cung cấp cùng HSDT các bằng cấp, chứng chỉ/thẻ liên quan.

– Ngoài ra, Nhà thầu cung cấp các tài liệu chứng minh khả năng huy động cho gói thầu (ví dụ: hợp đồng lao động hoặc các tài liệu khác…).

b) Thiết bị dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: Không yêu cầu.

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

STT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đánh giá
1	**Phạm vi thực hiện**	
	Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục yêu cầu tại Mẫu số 01B Phạm vi cung cấp, Chương IV - Biểu mẫu mời thầu và dự thầu của HSMT.	Đạt yêu cầu
	Nhà thầu không chào đầy đủ các hạng mục yêu cầu tại Mẫu số 01B Phạm vi cung cấp, Chương IV - Biểu mẫu mời thầu và dự thầu của HSMT	Không đạt
2	**Hồ sơ giấy phép**	
	Nhà thầu có đầy đủ các tài liệu/giấy tờ kèm theo dẫn chứng đến tài liệu trên đáp ứng quy định tại CDNT 10.8 Chương II của HSMT.	Đạt yêu cầu
	Nhà thầu không có hoặc có nhưng không đầy đủ các tài liệu pháp lý nêu trên.	Không đạt
3	**Giải pháp và phương pháp luận chi tiết cho từng hạng mục**	
	-Nhà thầu phải có giải pháp và phương pháp luận chi tiết cho từng hạng mục tương ứng với phạm vi cung cấp, công việc phù hợp với từng thiết bị, vị trí, điều kiện và hiện trạng của từng thiết bị hiện tại của Nhà máy đáp ứng tối thiểu các yêu cầu tại Chương V HSMT	Đạt yêu cầu
	- Nhà thầu không có giải pháp và phương pháp luận hoặc có nhưng không đầy đủ, không phù hợp cho từng hạng mục tương ứng với phạm vi cung cấp, công việc phù hợp với từng thiết bị, vị trí, điều kiện và hiện trạng của từng	Không đạt

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

STT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đánh giá
	thiết bị hiện tại của Nhà máy theo yêu cầu HSMT.	
4	**Các cam kết**	
4.1	**Cam kết về kết quả kiểm định/hiệu chuẩn của nhà thầu**	
	Nhà thầu có cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả kiểm định/hiệu chuẩn	Đạt yêu cầu
	Nhà thầu không có cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả kiểm định/hiệu chuẩn	Không đạt
4.2	**Cam kết chịu trách nhiệm pháp lý khi xảy ra sự cố cháy nổ, mất an toàn lao động**	
	Nhà thầu cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý nếu để xảy ra sự cố chủ quan gây cháy nổ, mất an toàn lao động do không thực hiện đúng quy trình, quy phạm về PCCC và ATLĐ.	Đạt yêu cầu
	Nhà thầu không có cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý nếu để xảy ra sự cố chủ quan gây cháy nổ, mất an toàn lao động do không thực hiện đúng quy trình, quy phạm về PCCC và ATLĐ hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng	Không đạt
5	**Cung cấp vật tư tiêu hao, thay thế cho hệ thống quan trắc tự động và dung dịch hiệu chuẩn cho phòng thí nghiệm**	
5.1	Yêu cầu về tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa	
	Nhà thầu đề xuất hàng hoa đáp ứng yêu cầu tại Điểm a, b khoản 3.3 trong chương V của HSMT.	Đạt yêu cầu
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất không đáp ứng yêu cầu tại Điểm a, b khoản 3.3 trong chương V của HSMT.	Không đạt
5.2	Nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa	
	Nhà thầu đề xuất đáp ứng yêu cầu tại Điểm c khoản 3.3 trong Chương V của HSMT.	Đạt yêu cầu
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất không đáp ứng yêu cầu tại Điểm c khoản 3.3 trong Chương V của HSMT.	Không đạt
5.3	Địa điểm giao hàng	
	Nhà thầu đề xuất giao hàng đúng địa điểm chỉ định của Bên mời thầu (Nhà máy điện Thái Bình 2; Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên).	Đạt yêu cầu
	Nhà thầu đề xuất giao hàng không đúng địa điểm chỉ định của Bên mời thầu (Nhà máy điện Thái Bình 2; Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên).	Không đạt
5.4	Bảo hành hàng hóa, dịch vụ	

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

STT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đánh giá
	Nhà thầu cung cấp cam kết đáp ứng đầy đủ yêu cầu về Bảo hành theo yêu cầu tại Điểm e khoản 3.3 trong chương V của HSMT	Đạt yêu cầu
	Nhà thầu không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về Bảo hành theo yêu cầu tại Điểm e khoản 3.3 trong chương V của HSMT	Không đạt
	Đánh giá tổng hợp kỹ thuật	
	Tất cả các tiêu chí đạt	***Đạt***
	Có bất kỳ một tiêu chí nào được đánh giá là "Không đạt"	***Không đạt***

Ghi chú: Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Sử dụng Phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 38 của QĐMS;

Bước 2. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có): Không áp dụng.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có): Không áp dụng.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)	**Scan đính kèm**		
2	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)		**X**	
3	Mẫu số 01C. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			
4	Mẫu số 01D. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)			
5	Mẫu số 01E. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)			
6	Mẫu số 01G. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)			
7	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			**X**
8	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			**X**
9	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu *(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*	**Scan đính kèm lên Hệ thống hoặc bảo lãnh điện tử**		**X**
10	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu *(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)*			**X**
11	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	**San đính kèm**		**X**
12	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			**X**
13	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			**X**
14	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			**X**
15	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			**X**

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

16	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			**X**
17	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			**X**
18	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			
19	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			**X**
20	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			**X**
21	Mẫu số 10B. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)			
22	Mẫu số 10C. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)			
23	Mẫu số 10D. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)			
24	Mẫu số 11A. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)			
25	Mẫu số 11B. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)			**X**
26	Mẫu số 11C. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			
27	Mẫu số 11D. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)			
28	Mẫu số 11E. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)			
29	Mẫu số 11G. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)			**X**
30	Mẫu số 12. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi		**Không áp dụng**	

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 01B

PHẠM VI CUNG CẤP

(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

I. Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục hàng hóa[(1)]	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa[(2)]	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)[(3)]	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng[(4)]	
							Ngày giao hàng sớm nhất *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*	**Ngày giao hàng muộn nhất** *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*
1	Standard Cell Solution,	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
2	Salt bridge PEEK, PVDF junctions, for pHD sensor	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

3	Peek Salt Bridge, PVDF Outer-Junction	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
4	Peek Salt Bridge, Ceramic Outer-Junction	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
5	Salt bridge for pHD sensor, outer-junction, PPS Salt Bridge, PVDF	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
6	Set of wiper blades 3/5mm	Cái	1	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
7	Cartrical sensor cartridge for AN-ISE sc/A-ISE sc/N-ISE sc	Cái	1	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
8	Membrabe, complete, box of 4 PCS	Cái	8	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

9	9184sc HOCl Chlorine Sensor	Cái	4	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
10	Gel bôi cho các sensor đo sóng siêu âm	Cái	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
11	Disposable filter 50K	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
12	Filter element for acid filter PN: 8018013	Cái	3	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
13	Condensate trap	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
14	Filter insert (PN: 990048)	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

15	Bộ cảm biến đo O2 điện hóa	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
16	Bo mạch điều khiển nhiệt độ của mô-đun Uras26	Cái	1	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
17	Adopt catalytic conversion principle: restore NO2 to NO Stable temperature controlling system Low temperature conversion (180°C), temperature is adjustable, Fast response	Cái	1	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
18	filter stone P/N: 730682	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
19	Set of gaskets FPM P/N:730721	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

20	Replacement electrode for the 9184 sc	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
21	9184sc TFC Chlorine Sensor With pH	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
22	pH electrode	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
23	Optical filter SO2 (A-LP6600)	Cái	1	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
24	Cảm biến lưu lượng của bộ cấp khí SCC-F	Cái	1	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
25	flowmeter glass for FM40; 10-100 l/h	Cái	1	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

26	lower part for flowmeter	Cái	1	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
27	upper part for flowmeter	Cái	1	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
28	Bộ phận Cảm biến độ ẩm	Cái	1	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
29	Probe tube 40, length 1500 mm, 500°C	Cái	2	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
30	Dung dịch chuẩn dầu mỡ khoáng Oil in water 10 mg/L.	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
31	Dung dịch chuẩn dầu mỡ khoáng Oil in water 15 mg/L.	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

32	Dung dịch chuẩn dầu mỡ khoáng Oil in water 5 mg/L.	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
33	Dung dịch chuẩn NH4 + (Amoni tính theo Nito) 15mg/L.	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
34	Dung dịch chuẩn NH4 + (Amoni tính theo Nito) 10mg/L.	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
35	Dung dịch chuẩn NH4 + (Amoni tính theo Nito) 5mg/L.	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
36	Dung dịch chuẩn COD (200mg/L).	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
37	Dung dịch chuẩn COD (150mg/L).	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

38	Dung dịch chuẩn COD (100mg/L).	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
39	Dung dịch chuẩn TSS (100mg/L).	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
40	Dung dịch chuẩn TSS (150mg/L).	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
41	Dung dịch chuẩn TSS (50mg/L).	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
42	Dung dịch chuẩn Clo dư (1mg/L).	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154
43	Dung dịch chuẩn Clo dư (3mg/L).	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

44	Dung dịch chuẩn Clo dư (5mg/L).	Chai	5	Theo quy định Chương V. Yêu cầu kỹ thuật		Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1	154

II. Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	**(2)**	(3)	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**
A	**PHẦN NƯỚC THẢI**					
I	**Dịch vụ Kiểm định/Hiệu chuẩn phương tiện đo:**	**Kiểm định/Hiệu chuẩn**				
I.1	**Trạm quan trắc nước làm mát**					
1	Thiết bị đo lưu lượng siêu âm đầu vào	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2	Thiết bị đo nhiệt độ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	Thiết bị đo Clo dư	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
I.2	**Trạm quan trắc kênh xả**					
1	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở đầu ra	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Thiết bị đo nhiệt độ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	Thiết bị đo Clo dư	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

I.3	**Trạm quan trắc nước ngọt**					
1	Thiết bị đo lưu lượng siêu âm đầu vào	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
I.4	**Trạm quan trắc nước thải công nghiệp**					30/04/2026
1	Thiết bị đo pH	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Thiết bị đo nhiệt độ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	Thiết bị đo COD	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

4	Thiết bị đo TSS	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5	Thiết bị đo Amoni	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6	Thiết bị đo dầu mỡ khoáng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN100	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
8	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN150	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

9	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN200	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
10	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở đầu ra	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
II	**Dịch vụ quan trắc, phân tích mẫu đối chứng và lập báo cáo đánh giá cho các trạm quan trắc (Số mẫu quan trắc tối thiểu: 06 mẫu/thông số/lần):**					
II.1	**Trạm quan trắc nước làm mát**					
1	Thiết bị đo lưu lượng siêu âm đầu vào	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	24	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Thiết bị đo nhiệt độ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

3	Thiết bị đo Clo dư	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4	Lập báo cáo đánh giá	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Báo cáo	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
II.2	**Trạm quan trắc kênh xả**					
1	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở đầu ra	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Thiết bị đo nhiệt độ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	Thiết bị đo Clo dư	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

4	Lập báo cáo đánh giá	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Báo cáo	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
II.3	**Trạm quan trắc nước ngọt**					
1	Thiết bị đo lưu lượng siêu âm đầu vào	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Lập báo cáo đánh giá	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Báo cáo	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
II.4	**Trạm quan trắc nước thải công nghiệp**					
1	Thiết bị đo pH	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Thiết bị đo nhiệt độ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

3	Thiết bị đo COD	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4	Thiết bị đo TSS	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5	Thiết bị đo Amoni	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6	Thiết bị đo dầu mỡ khoáng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN100	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

8	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN150	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
9	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN200	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
10	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở đầu ra	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
11	Lập báo cáo đánh giá	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Báo cáo	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
B	**PHẦN KHÍ THẢI**					
I.	**Dịch vụ Kiểm định/Hiệu chuẩn phương tiện đo:**	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật			Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1	Phương tiện đo hàm lượng khí SO_2	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	27	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Phương tiện đo hàm lượng khí NOx	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	27	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	Phương tiện đo hàm lượng khí CO	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	27	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4	Phương tiện đo hàm lượng khí O_2	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5	Phương tiện đo Nhiệt độ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	3	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

6	Phương tiện đo Áp suất	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	3	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7	Phương tiện đo Bụi tổng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	27	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
8	Phương tiện đo Lưu lượng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	3	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
9	Phương tiện chuyển đổi NO2/NO	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	3	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
II.	**Dịch vụ quan trắc, phân tích mẫu đối chứng và lập báo cáo đánh giá cho trạm quan trắc (Số mẫu quan trắc tối thiểu: 06 mẫu/thông số/lần):**					

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1	SO_2	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	NOx	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	CO	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4	O_2	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5	Nhiệt độ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

6	Áp suất	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7	Bụi tổng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
8	Lưu lượng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	12	Mẫu	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
III	**Lập báo cáo kiểm soát chất lượng hệ thống trạm quan trắc**	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Báo cáo	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
C	**DỊCH VỤ KIỂM TRA KỸ THUẬT, BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG QTTĐ**					
I	**Trạm quan trắc nước thải công nghiệp**					

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1	Thiết bị đo lưu lượng đầu ra nước thải công nghiệp	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.2	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Thiết bị đo lưu lượng đầu vào nước thải (DN100)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.2	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	Thiết bị đo lưu lượng đầu vào nước thải (DN150)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

3.2	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4	Thiết bị đo lưu lượng đầu vào nước thải (DN200)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4.2	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

4.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5	Thiết bị đo pH	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5.3	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

6	Thiết bị đo nhiệt độ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6.2	Kiểm tra thiết bị đo bằng thiết bị chuyên dụng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7	Thiết bị đo chất rắn lơ lửng TSS	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

7.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7.3	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
8	Thiết bị đo nhu cầu oxy hoá học COD	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
8.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

8.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
8.3	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
9	Thiết bị đo Amoni	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
9.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động thiết bị đo	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
9.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

9.3	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
10	Bộ màn hình điều khiển SC1000.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
10.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
10.2	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
10.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

11	Thiết bị đo tổng dầu mở khoáng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
11.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
11.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
11.3	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
11.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

12	Thiết bị lấy và lưu mẫu tự động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
12.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
12.2	Kiểm tra các kết nối nguồn, kết nối tín hiệu trên thiết bị. Siết lại kết nối nếu cần thiết.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
12.3	Vệ sinh đường ống hút mẫu, vị trí hút mẫu.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
12.4	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

12.5	Kiểm tra khả dụng thiết bị (không ảnh hưởng đến việc tháo dỡ tem nghiêm phong của cơ quan chức năng trên các thiết bị liên quan)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
13	Tủ điện	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
13.1	Vệ sinh tủ điện, siết đầu cos	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
13.2	Kiểm tra điện áp đầu vào, đầu ra, thời gian lưu trữ.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
13.3	Kiểm tra các chế độ hoạt động của UPS đưa ra đánh giá.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

13.4	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
14	Bơm hút mẫu	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
14.1	Kiểm tra hoạt động của bơm	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
14.2	Vệ sinh thùng chứa mẫu	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
14.3	Vệ sinh, thay thế vật tư cần thiết cho bơm	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

14.4	Kiểm tra chức năng hoạt động của bộ điều khiển bảo vệ bơm	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
14.5	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
14.6	Kiểm tra chế độ vận hành của 2 bơm (vận hành luân phiên, vận hành sự cố bơm)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
II	**Trạm quan trắc kênh xả**					
1	Thiết bị đo lưu lượng đầu ra nước làm mát (Thiết bị đo kênh hở)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1.2	Vệ sinh đầu dò, bộ chuyển đổi	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.3	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Thiết bị đo nhiệt độ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2.2	Kiểm tra thiết bị đo bằng thiết bị chuyên dụng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	Thiết bị đo Clo dư	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

3.3	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4	Thiết bị lấy và lữ mẫu tự động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4.2	Kiểm tra các kết nối nguồn, kết nối tín hiệu trên thiết bị. Siết lại kết nối nếu cần thiết.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

4.3	Vệ sinh đường ống hút mẫu, vị trí hút mẫu.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4.4	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4.5	Kiểm tra khả dụng thiết bị (không ảnh hưởng đến việc tháo dỡ tem nghiêm phong của cơ quan chức năng trên các thiết bị liên quan)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5	Tủ điện	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5.1	Vệ sinh tủ điện, siết đầu cos	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

5.2	Kiểm tra điện áp đầu vào, đầu ra, thời gian lưu trữ.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5.3	Kiểm tra các chế độ hoạt động của UPS đưa ra đánh giá.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5.4	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6	Bơm hút mẫu	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6.1	Kiểm tra hoạt động của bơm	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

6.2	Vệ sinh thùng chứa mẫu	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6.3	Vệ sinh, thay thế vật tư cần thiết cho bơm	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6.4	Kiểm tra chức năng hoạt động của bộ điều khiển bảo vệ bơm	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6.5	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6.6	Kiểm tra chế độ vận hành của 2 bơm (vận hành luân phiên, vận hành sự cố bơm)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
III	**Trạm quan trắc nước làm mát**					

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1	Thiết bị đo lưu lượng đầu vào nước làm mát DN2700	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.2	Vệ sinh đầu dò, bộ chuyển đổi	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.3	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2	Thiết bị đo nhiệt độ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.2	Kiểm tra thiết bị đo bằng thiết bị chuyên dụng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	Thiết bị đo Clo dư	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

3.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3.3	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6	Tủ điện	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

6.1	Vệ sinh tủ điện, siết đầu cos	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6.2	Kiểm tra điện áp đầu vào, đầu ra, thời gian lưu trữ.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6.3	Kiểm tra các chế độ hoạt động của UPS đưa ra đánh giá.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6.4	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7	Bơm hút mẫu	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

7.1	Kiểm tra hoạt động của bơm	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7.2	Vệ sinh thùng chứa mẫu	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7.3	Vệ sinh, thay thế vật tư cần thiết cho bơm	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7.4	Kiểm tra chức năng hoạt động của bộ điều khiển bảo vệ bơm	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7.5	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

7.6	Kiểm tra chế độ vận hành của 2 bơm (vận hành luân phiên, vận hành sự cố bơm)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
IV	**Trạm quan trắc nước ngọt**					
1	Thiết bị đo lưu lượng DN400	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.2	Vệ sinh đầu dò, bộ chuyển đổi	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.3	Thực hiện hiệu chuẩn thiết bị và kiểm tra độ ổn định của thiết bị. Đưa khuyến cáo (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1.4	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.5	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Tủ điện	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.1	Vệ sinh tủ điện, siết đầu cos	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.2	Kiểm tra điện áp đầu vào, đầu ra, thời gian lưu trữ.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2.3	Kiểm tra các chế độ hoạt động của UPS đưa ra đánh giá.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.4	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
V	**Trạm quan trắc khói thải**					
1	Thiết bị phân tích nồng độ bụi khói thải (PM)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1.2	Tháo/lắp thiết bị ra khỏi điểm đo, vệ sinh cảm biến và thấu kính phản xạ, vị trí lắp đặt	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.3	Kiểm tra bảo dưỡng quạt , lọc bụi và đường khí thổi làm sạch.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.4	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.5	Căn chỉnh thiết bị theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất thiết bị.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.6	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1.7	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Thiết bị đo lưu lượng khói thải	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.2	Vệ sinh đầu Pitot và vị trí lắp đặt bằng khí nén.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.3	Hiệu chuẩn thiết bị transmitter áp suất.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2.4	Lắp đặt lại thiết bị về vị trí ban đầu.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.5	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2.6	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	Thiết bị cảm biến nhiệt độ khói thải	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

3.2	Kiểm tra thiết bị đo bằng thiết bị chuyên dụng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4	Thiết bị đo áp suất khói thải	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4.2	Vệ sinh đầu Pitot và vị trí lắp đặt bằng khí nén.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

4.3	Hiệu chuẩn thiết bị transmitter áp suất.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4.4	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4.5	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5	Hệ thống phân tích SO2, NOx, CO, O2 khói thải	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của các thiết bị (bao gồm các thiết bị lấy mẫu, xử lý mẫu, bộ phân tích...)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

5.2	Vệ sinh, thông tắc các đường dẫn khí.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5.3	Thực hiện thay thế đường ống dẫn khí (nếu cần).	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5.4	Thay thế các vật tư tiêu hao định kỳ theo khuyến cáo nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5.5	Kiểm tra hiệu suất bộ chuyển đổi NO2/NO bằng khí chuẩn (thay thế nếu cần).	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5.7	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	4	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
VI	**Màn hình LED**					

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1	Màn hình 2x3	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.1	Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị.	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.2	Kiểm tra vệ sinh, siết cầu đấu hộp kỹ thuật	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.3	Xử lý các bất thường (nếu có)	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
1.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị và máy tính server	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	lần	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
D	**DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHỈNH THIẾT BỊ ĐO PHÒNG THÍ NGHIỆM**					

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

I	**Thiết bị phân tích**					
1	Máy đo pH trong nước	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Máy đo độ dẫn điện trong nước	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	Máy đo PH	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4	Máy đo độ dẫn điện	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
5	Máy quang phổ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

6	Máy gia nhiệt xác định COD trong nước	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7	Máy đo hàm lượng Na trong nước	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
8	Máy đo tỷ trọng để bàn	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
9	Thiết bị đo oxy hòa tan di động	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
10	Máy đo độ đục phòng thí nghiệm	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

11	Tủ sấy dụng cụ đối lưu tự nhiên -	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
12	Cân phân tích 4 số lẻ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
13	Tủ sấy đối lưu cưỡng bức	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
14	Lò nung phân tích than -	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
15	Lò nung phân tích chất bốc của than-	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

16	Lò nung Naberthem -	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
17	Máy phân tích cacbon - Lưu huỳnh	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
18	Thiết bị đo nhiệt trị của than	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
19	Máy phân tích cacbon - Lưu huỳnh	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
20	Thiết bị đo nhiệt nóng chảy của tro xỉ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

21	Tủ sấy	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
22	Cân phân tích 4 số lẻ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
23	Cân phân tích 2 số lẻ	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
24	Bộ xác định hàm lượng nước trong dầu -	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
25	Thiết bị đo độ nhớt -	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

26	Thiết bị đo trị số Acid trong dầu -	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
27	Máy kiểm tra độ sạch của dầu	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
28	Cân phân tích 4 số lẻ -	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
29	Tủ Sấy dụng cụ -	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
30	Máy chớp cháy cốc hở -	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

31	Máy đo điểm chớp cháy cốc kín -	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Thiết bị	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
II	**Công cụ dụng cụ**					
1	Pipet	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
2	Pipet	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
3	Pipet	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
4	Pipet	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

5	Pipet	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
6	Pipet	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
7	Bộ Quả cân	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Bộ	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
8	Nhiệt ẩm kế	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
9	Bình định mức	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	2	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

10	Bình định mức	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	6	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
11	Bình định mức	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	3	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
12	Sàng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
13	Sàng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026
14	Sàng	Theo yêu cầu Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	1	Cái	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	30/04/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Bên mời thầu ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3): Bên mời thầu ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển…) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8) Trong HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSMT (b1%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 02

ĐƠN DỰ THẦU (1)

Ngày:___ *[Nhà thầu tự điền]*

Tên gói thầu: ___ *[Nhà thầu tự điền]*

Kính gửi: ___ *[Nhà thầu tự điền]*

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___*[Nhà thầu tự điền], Mã số thuế*_____ *, [Nhà thầu tự điền]* cam kết thực hiện gói thầu_____ *[Nhà thầu tự điền]* số E-TBMT:_____ *[Nhà thầu tự điền]* theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ *[Nhà thầu tự điền]* cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là_____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ *[Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT:____ *[Nhà thầu tự điền]*

Bảo đảm dự thầu:_____*[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu(2):_____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

2a. Không vi phạm quy định về bảo đảm độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của Giám đốc Chi nhánh, Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc PVN;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của QĐMS khi tham dự gói thầu này;

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu(3);

7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực;

8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

9. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNT của HSMT;

10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu(4);

11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, thư bảo lãnh dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 CDNT thì chúng tôi sẽ bị cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Chi nhánh trong 01 năm kể từ ngày Chủ đầu tư ban hành quyết định xử lý vi phạm (5).

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền và đóng dấu (nếu có) của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSDT.(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

(5) Trường hợp QĐMS có quy định đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: "Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Chi nhánh trong ...[1] năm kể từ ngày Chủ đầu tư ban hành quyết định xử lý vi phạm, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 107 của QĐMS dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của QĐMS;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNT của HSMT;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài

[1] Thời gian cấm từ 1-2 năm tùy theo tính chất công việc gói thầu do Người thẩm quyền quyết định.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng".

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH[1]

Ngày:___ *[Nhà thầu tự điền]*

Gói thầu: ___ *[Nhà thầu tự điền]*

Căn cứ [2]___ *[Nhà thầu tự điền]*

Căn cứ[2]____ *[Nhà thầu tự điền]*

Căn cứ HSMT Gói thầu: _____ *Nhà thầu tự điền]* với số E-TBMT*:__ [Nhà thầu tự điền]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất:____ *[Nhà thầu tự điền]*

Mã số thuế: ___ *[Nhà thầu tự điền];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai:____ *[Nhà thầu tự điền]*

Mã số thuế: ___ *[Nhà thầu tự điền];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n:____ *[Nhà thầu tự điền]*

Mã số thuế: ___ *[Nhà thầu tự điền];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu____ *[Nhà thầu tự điền]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[ghi tên của liên danh]*.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ *[Nhà thầu tự điền]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ *[Nhà thầu tự điền thành viên lập liên danh]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau(3):

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây (4):

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh *(Nhà thầu tự điền)*	- ___ - ___	- ___% - ___%
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___% - ___%
....	....	....	.....
Tổng cộng		**Toàn bộ công việc của gói thầu**	**100%**

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ *[Nhà thầu tự điền]* theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Nhà thầu tự cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 04A (Scan đính kèm)

BẢO LÃNH DỰ THẦU[(1)]

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1* ***BDL*** *hoặc tên Chủ đầu tư quy định tại Mục 5.1(c)* ***BDL****]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ___ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là_____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu_____ *[ghi tên gói thầu]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___[(2)] ngày, kể từ ngày____ tháng___ năm___[(3)].

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết[(4)] sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu bằng văn bản từ Chủ đầu tư/Chi nhánh về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 107 của QĐMS dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của QĐMS;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37 CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 ***BDL****.*

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Lưu ý: Chủ đầu tư không đồng ý sử dụng Bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hải Phòng.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 04B (Scan đính kèm)

BẢO LÃNH DỰ THẦU[(1)]

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1* ***BDL*** *hoặc ghi tên Chủ đầu tư quy định tại Mục 5.1(c)* ***BDL****]*

Ngày phát hành bảo lãnh:___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh:___*[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là____ *[ghi tên nhà thầu][(2)]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___[(3)] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___[(4)].

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết[(5)] sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu bằng văn bản từ Chủ đầu tư/Chi nhánh về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 107 của QĐMS dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của QĐMS;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37 CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của QĐMS dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu liên danh A + B";

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là "nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)", trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)";

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong HSDT đáp ứng yêu cầu của

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 ***BDL****.*

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Lưu ý: Chủ đầu tư không đồng ý sử dụng Bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hải Phòng.

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 05

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN (1)

Tên nhà thầu: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Giá hợp đồng(3)	*[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	*[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]*	*[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương ___ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	*[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]*		
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]* *[ghi địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III(2)			
1. Loại dịch vụ	*[ghi thông tin phù hợp]*		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện(3)	*[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]*		
3. Quy mô thực hiện	*[ghi quy mô theo hợp đồng]*		
4. Các đặc tính khác	*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*		

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 06A

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện hợp đồng này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 107 của QĐMS và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 108 của QĐMS.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	*[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]*	*[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*
2		
…		

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 06B

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	**Tên**	**Căn cước công dân/Hộ chiếu**	**Vị trí**	**Ngày, tháng, năm sinh**	**Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn**	**Tên người sử dụng lao động**	**Địa chỉ của người sử dụng lao động**	**Chức danh**	**Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại**	**Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)**	**Điện thoại/ Fax/ Email**
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
…											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Ghi chú: Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 06C

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN[(1)]

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
…	…			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 06D

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 107 của QĐMS và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 108 của QĐMS.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

<table>
<tr><td colspan="3">Loại thiết bị</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Thông tin thiết bị</td><td>Tên nhà sản xuất</td><td>Đời máy (model)</td></tr>
<tr><td>Công suất (*)</td><td>Năm sản xuất (*)</td></tr>
<tr><td>Tính năng</td><td>Xuất xứ
Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Hiện trạng</td><td colspan="2">Địa điểm hiện tại của thiết bị</td></tr>
<tr><td colspan="2">Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại</td></tr>
<tr><td>Nguồn</td><td colspan="2">Nêu rõ nguồn thiết bị
☐ Sở hữu của nhà thầu ☐ Đi thuê ☐ Cho thuê ☐ Chế tạo đặc biệt</td></tr>
</table>

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

<table>
<tr><td rowspan="2">Chủ sở hữu</td><td>Tên chủ sở hữu</td></tr>
<tr><td>Địa chỉ chủ sở hữu</td></tr>
</table>

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 07

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ(1)

Tên nhà thầu: _____
Ngày: _____
Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
¨ Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III. ¨ Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	**Phần việc hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả hợp đồng**	**Tổng giá trị hợp đồng** (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:_____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 08

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU[(1)]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ____ ***(nhà thầu điền nội dung này)***		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT ***(Nhà thầu tự điền trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)***		
	Năm 1:	**Năm 2:**	**Năm 3:**
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)[(2)]	*(Nhà thầu tự tính)*		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 09A

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ[(1)]

STT	Tên nhà thầu phụ[(2)]	Phạm vi công việc[(3)]	Khối lượng công việc[(4)]	Giá trị % ước tính[(5)]	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ[(6)]
1					
2					
3					
4					
…					

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 09B

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU[(1)]

STT	Tên công ty con, công ty thành viên[(2)]	Công việc đảm nhận trong gói thầu[(3)]	Giá trị % so với giá dự thầu[(4)]	Ghi chú
1				
2				
…				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 10A

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

A*. Đối với danh mục hàng hóa: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*
					Ngày giao hàng sớm nhất *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*	**Ngày giao hàng muộn nhất** *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
…							

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Nhà thầu điền. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (4) nhà thầu tự điền.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Cột (8): Nhà thầu điền

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

B* Đối với danh mục dịch vụ:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Nhà thầu điền

- Cột (8): Nhà thầu điền.

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 11B

BẢNG GIÁ DỰ THẦU

(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

A(*). Các hạng mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng đơn giá cố định

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ *(quốc gia, nhóm nước, vùng lãnh thổ)*	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))*	Thành tiền *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(10)x(12)*
	Hàng hóa thứ 1											*M1*
	….											
	Hàng hóa thứ n											*Mn*
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												**(A*)**

Ghi chú:

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Nhà thầu điền. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12): Nhà thầu điền;

(13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

B (*). Các hạng mục dịch vụ áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	**Các hạng mục**					**A=A1+A2+...**
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...	**...**					...
II	**Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh**		b1%			**B1 = b1% x A**
<u>Tổng cộng (B):</u> *[Nhà thầu tự tính]*						**B*=A+B1**

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

C. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Các hạng mục	Thành tiền
I	Các hạng mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng đơn giá cố định	A*
II	Các hạng mục dịch vụ áp dụng loại hợp đồng đơn giá cố định	B*
	Tổng cộng (Trích xuất ra giá dự thầu)	**X=A*+B***

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu điền

- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7): Nhà thầu tự tính toán

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 12: Không áp dụng

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói thầu:

– Tên gói thầu: Cung dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo nhóm 2, thiết bị đo cho hệ thống quan trắc nước thải, thiết bị đo cho phòng thí nghiệm Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

– Nguồn vốn: Nguồn vốn sản xuất kinh doanh năm 2026 của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

– Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2026.

– Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

– Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày.

– Địa điểm thực hiện dịch vụ: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.

2. Mục tiêu công việc:

Bằng chi phí của mình, Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát thực tế tại NMNĐ Thái Bình 2 để hoàn thiện phương án, biện pháp kỹ thuật triển khai công việc đáp ứng theo yêu cầu của Bên mời thầu. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo thiết bị quan trắc và thiết bị đo phòng thí nghiệm, dịch vụ quan trắc, phân tích mẫu đối chứng và lập báo cáo đánh giá cho trạm quan trắc, dịch vụ kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng hệ thống quan trắc tự động và cung cấp vật tư tiêu hao thay thế, dung dịch hiệu chuẩn của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 như sau:

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1 Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn:

- Sau khi kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị, Nhà thầu phải hoàn thiện đầy đủ hồ sơ kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định và gửi cho Bên mời thầu.
- Giấy chứng nhận kết quả kiểm định (bản gốc) phải phù hợp với quy định.
- Biên bản kiểm định an toàn (Bản gốc): Được ghi chi tiết các thông số kỹ thuật, hình thức, nội dung, kết quả và thời hạn kiểm định lần sau của thiết bị được kiểm định đạt yêu cầu kỹ thuật và trường hợp bất thường của thiết bị kiểm định không đạt yêu cầu theo đúng quy định.
- Thiết bị sử dụng để thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn phải có chứng nhận và dán tem kiểm định do đơn vị có chức năng, thẩm quyền cấp theo quy định nhà nước, đơn vị kiểm định quốc tế hoặc nhà sản xuất.
- Ngoài ra, Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm định của kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tổ chức kiểm định gây ra theo quy định của pháp luật. Thu hồi kết quả kiểm định đã ban hành khi phát hiện sai phạm

3.2 Dịch vụ bảo dưỡng hệ thống quan trắc tự động:

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

- Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống Quan trắc tự động của NMNĐ Thái Bình 2 tuân thủ các tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn của Nhà máy đảm bảo chất lượng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành có liên quan.

- Thiết bị sử dụng để thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn phải có chứng nhận và dán tem kiểm định do đơn vị có chức năng, thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước, đơn vị kiểm định quốc tế hoặc nhà sản xuất.

- Nhà thầu phải dùng chất chuẩn (còn hạn sử dụng), gen dùng cho các sensor lưu lượng trong việc thực hiện bảo dưỡng hệ thống QTTĐ.

3.3 Cung cấp vật tư tiêu hao, thay thế và dung dịch hiệu chuẩn:

a. Yêu cầu chung

- Vật tư/Thiết bị cung cấp cho Nhà máy phải mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, chưa qua sử dụng, có đầy đủ nhãn mác, mã hiệu, tem bảo hành (hoặc các hình thức khác có giá trị tương đương).

- Trường hợp cần thiết, bằng chi phí của mình, Nhà thầu có thể tiến hành khảo sát tại Nhà máy để thu thập thông tin phục vụ công tác chào thầu. Hàng hoá phải được tương thích với các thiết bị còn lại trong hệ thống hiện hữu. Đảm bảo tính kế thừa công nghệ điều khiển, thiết bị hệ thống hiện tại và kéo dài vòng đời của thiết bị phục vụ cho nhà máy, giảm chi phí bảo dưỡng cũng như giảm các sự cố tiềm ẩn gây rủi ro cho vận hành nhà máy.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ tài liệu do nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư, nếu sai nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

b. Yêu cầu về tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa

HSDT được đánh giá là đạt về tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hoá khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Trưởng hợp Nhà thầu chào đúng mã hiệu/Nhà sản xuất theo mô tả nêu tại khoản 3.4 Mục E, Chương này:

+ Nhà thầu cung cấp các tài liệu kỹ thuật (catalogue, datasheet,...) của Nhà sản xuất trong HSDT để chứng minh chất lượng của hàng hóa, các thông số kỹ thuật phù hợp hoặc tốt hơn so với yêu cầu của HSMT để chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá.

+ Nhà thầu phải có chỉ dẫn cụ thể trong tài liệu cho từng hạng mục hàng hóa, đánh dấu model vào các thông số kỹ thuật hàng hóa trong tài liệu. Tài liệu kỹ thuật hàng hóa có thể là tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác thì các tài liệu nêu trên phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng dịch thuật.

- Trường hợp Nhà thầu đề xuất các sản phẩm tương đương, Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

+ Cung cấp đầy đủ tài liệu/thông tin kèm theo (catalogue, datasheet,...) của Nhà sản xuất trong HSDT để chứng minh sự phù hợp của sản phẩm tương đương/thay thế với yêu cầu của HSMT (bao gồm chủng loại, thông số kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tương thích về mặt lắp đặt, kết nối với các hệ thống liên quan).

+ Lập bảng so sánh các thông số, đặc tính kỹ thuật và cung cấp các tài liệu để chứng minh sự tương đương hoặc tốt hơn của hàng hóa hàng hoá đề xuất, sự tương thích với các thiết bị còn lại trong hệ thống hiện hữu, đảm bảo tính an toàn, đồng bộ, khả năng vận hành phù hợp với mục đích sử dụng được mô tả tại HSMT. Các tài liệu này phải được cung cấp ngay cùng với HSDT và phải có đầy đủ tính pháp lý, sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Việt; và:

+ Cung cấp xác nhận của Nhà sản xuất gốc (tham khảo thông tin trong bảng danh mục hàng hoá tại mục E của Khoản 3.4 Chương này) về sự tương đương, tương thích của sản phẩm tương đương/thay thế so với hàng hoá chào thầu.

- Trường hợp Nhà thầu đề xuất các sản phẩm thay thế: Trường hợp mã hiệu hàng hóa theo yêu cầu của HSMT không còn sản xuất mà được thay thế bằng hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn, Nhà thầu phải cung cấp văn bản xác nhận của Nhà sản xuất nêu tại Bảng của Mục E, Khoản 3.4 Chương này về sự tương đương, tốt hơn và tương thích của sản phẩm thay thế đó.

- Tài liệu phải thể hiện được đầy đủ các thông số kỹ thuật tại mục E Khoản 3.4 của Chương này theo yêu cầu của HSMT và phải phù hợp với xuất xứ hàng hóa chào thầu.

(Nhà sản xuất gốc: là nhà sản xuất có tên trên nameplate gắn trên phụ tùng, thiết bị hiện hữu của Nhà máy).

c. Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa:

Nhà thầu phải nêu đầy đủ tên hãng sản xuất và nước sản xuất của hàng hóa chào thầu.

d. Tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ

- Đối với tiến độ cung cấp hàng hóa: Nhà thầu phải hoàn thành việc cung cấp toàn bộ hàng hoá trong vòng 154 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

- Đối với tiến độ cung cấp dịch vụ: 365 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

e. Thời hạn bảo hành hàng hóa

- Yêu cầu về thời gian bảo hành là:

+ Đối với danh mục hàng hóa có số thứ tự 9, 15, 16,17, 20, 21, 22, 23, 24, 28 tại Mục số E, Khoản 3.4 Chương này: Theo tiêu chuẩn của nhà

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

sản xuất và tối thiểu là 12 tháng tính từ ngày nghiệm thu bàn giao chuyến hàng cuối cùng.

+ Đối với danh mục hàng hóa còn lại: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và tối thiểu là 03 tháng tính từ ngày nghiệm thu bàn giao chuyến hàng cuối cùng

- Nhà thầu cung cấp cam kết bảo hành (bản gốc) đối với chủng loại, số lượng hàng hóa mỗi đợt giao hàng được nghiệm thu.

+ Trong thời gian bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm tiến hành khắc phục chậm nhất là 72 giờ đối với các trường hợp hư hỏng, khuyết tật hoặc 4 tuần đối với trường hợp cần thay thế vật tư/ thiết bị sau khi nhận được thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không thực hiện trong khoảng thời gian được Bên mời thầu quy định, Bên mời thầu có thể tự tổ chức sửa chữa hoặc thay thế, và Nhà thầu phải hoàn trả toàn bộ chi phí liên quan.

f. Cam kết cung cấp hàng hóa

- Yêu cầu Nhà thầu cam kết về:

+ Cam kết cấp bản gốc (bản sao công chứng hoặc chứng thực) chứng chỉ chất lượng, chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ đối với vật tư nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận hàng hóa đảm bảo đúng tiêu chuẩn chất lượng của hãng sản xuất (KCS) đối với hàng hóa trong nước.

+ Nhà thầu phải cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại do sự không tương thích của các hàng hóa của nhà thầu gây ra cho các thiết bị của chủ đầu tư trong quá trình vận hành sản xuất kinh doanh.

g. Xếp dỡ hàng hóa

- Hàng hóa sẽ được Nhà thầu cung cấp, giao nhận tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2; xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.

- Việc xếp dỡ hàng hóa phải tuân theo các quy phạm về an toàn trong xếp dỡ hàng hóa. Nhà thầu có trách nhiệm chuẩn bị các thiết bị, dụng cụ chuyên dụng phục vụ quá trình xếp dỡ từ phương tiện vận chuyển vào vị trí tiếp nhận.

- Nhà thầu bằng chi phí của mình, có trách nhiệm ứng phó, xử lý trong trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình giao nhận.

3.4 Phạm vi cung cấp hàng hóa

Nhà thầu hoàn thành toàn bộ phạm vi như danh mục dưới đây:

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

STT	Nội dung công việc	Chi tiết thiết bị/Nhà sản xuất, xuất xứ	Khối lượng	Đơn vị tính	Ngày bắt đầu dịch vụ	Ngày muộn nhất thực hiện dịch vụ	Ghi chú
A	**PHẦN NƯỚC THẢI**						
I	**Dịch vụ Kiểm định/Hiệu chuẩn phương tiện đo:**						
I.1	**Trạm quan trắc nước làm mát**				25/04/2026	30/04/2026	
1	Thiết bị đo lưu lượng siêu âm đầu vào	Tokyo Keiki/UFL30	4	Thiết bị			
2	Thiết bị đo nhiệt độ	Siemens/Sitrans TS 500	1	Thiết bị			
3	Thiết bị đo Clo dư	Hach/9184	12	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa (2 lần/tổ máy/năm) - Sau khi khắc phục bất thường - Khi nhà máy kiểm tra bằng chất chuẩn nhưng sai số không đảm bảo 2. Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn 3. Nhà máu cung cấp chất chuẩn phục vụ kiểm tra
I.2	**Trạm quan trắc kênh xả**				25/04/2026	30/04/2026	

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở đầu ra	Pulsar/dBMach3	1	Thiết bị			
2	Thiết bị đo nhiệt độ	Siemens/Sitrans TS 500	1	Thiết bị			
3	Thiết bị đo Clo dư	Hach/9184	12	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa - Sau khi khắc phục bất thường - Khi nhà máy kiểm tra bằng chất chuẩn nhưng sai số không đảm bảo 2. Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn 3. Nhà máu cung cấp chất chuẩn phục vụ kiểm tra
I.3	**Trạm quan trắc nước ngọt**				25/04/2026	30/04/2026	
1	Thiết bị đo lưu lượng siêu âm đầu vào	Tokyo Keiki/UFW100	2	Thiết bị			
I.4	**Trạm quan trắc nước thải công nghiệp**				25/04/2026	30/04/2026	

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1	Thiết bị đo pH	Hach/SC1000	12	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa - Sau khi khắc phục bất thường - Khi nhà máy kiểm tra bằng chất chuẩn nhưng sai số không đảm bảo 2. Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn 3. Nhà máu cung cấp chất chuẩn phục vụ kiểm tra
2	Thiết bị đo nhiệt độ	ABB/TSP 121	2	Thiết bị			
3	Thiết bị đo COD	Hach/SC1000	12	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa - Sau khi khắc phục bất thường - Khi nhà máy kiểm tra bằng chất chuẩn nhưng sai số không đảm bảo 2. Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn 3. Nhà máu cung cấp chất chuẩn phục vụ kiểm tra

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

4	Thiết bị đo TSS	Hach/SC1000	12	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa - Sau khi khắc phục bất thường - Khi nhà máy kiểm tra bằng chất chuẩn nhưng sai số không đảm bảo 2. Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn 3. Nhà máu cung cấp chất chuẩn phục vụ kiểm tra
5	Thiết bị đo Amoni	Hach/SC1000	12	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa - Sau khi khắc phục bất thường - Khi nhà máy kiểm tra bằng chất chuẩn nhưng sai số không đảm bảo 2. Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn 3. Nhà máu cung cấp chất chuẩn phục vụ kiểm tra

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

6	Thiết bị đo dầu mỡ khoáng	TriOS/ TriBox mini	12	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa - Sau khi khắc phục bất thường - Khi nhà máy kiểm tra bằng chất chuẩn nhưng sai số không đảm bảo 2. Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn 3. Nhà máu cung cấp chất chuẩn phục vụ kiểm tra
7	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN100	Siemens/Sitrans F M Mag 5000/Sitrans F M Mag 5000 W	2	Thiết bị			
8	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN150	Siemens/Sitrans F M Mag 5000/Sitrans F M Mag 5000 W	1	Thiết bị			
9	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN200	Siemens/Sitrans F M Mag 5000/Sitrans F M Mag 5000 W	2	Thiết bị			
10	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở đầu ra	Hach/ SC200/U53	1	Thiết bị			
II	**Dịch vụ quan trắc, phân tích mẫu đối chứng và lập báo cáo đánh giá cho các trạm quan trắc (Số mẫu quan trắc tối thiểu: 06 mẫu/thông số/lần):**						

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

II.1	**Trạm quan trắc nước làm mát**				15/05/2026	15/06/2026	
1	Thiết bị đo lưu lượng siêu âm đầu vào	Tokyo Keiki/UFL30	24	Mẫu			
2	Thiết bị đo nhiệt độ	Siemens/Sitrans TS 500	6	Mẫu			
3	Thiết bị đo Clo dư	Hach/9184	6	Mẫu			
4	Lập báo cáo đánh giá		1	Báo cáo			
II.2	**Trạm quan trắc kênh xả**				15/05/2026	15/06/2026	
1	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở đầu ra	Pulsar/dBMach3	6	Mẫu			
2	Thiết bị đo nhiệt độ	Siemens/Sitrans TS 500	6	Mẫu			
3	Thiết bị đo Clo dư	Hach/9184	6	Mẫu			
4	Lập báo cáo đánh giá		1	Báo cáo			
II.3	**Trạm quan trắc nước ngọt**				15/05/2026	15/06/2026	
1	Thiết bị đo lưu lượng siêu âm đầu vào	Tokyo Keiki/UFW100	12	Mẫu			
2	Lập báo cáo đánh giá		1	Báo cáo			
II.4	**Trạm quan trắc nước thải công nghiệp**				15/05/2026	15/06/2026	
1	Thiết bị đo pH	Hach/SC1000	6	Mẫu			
2	Thiết bị đo nhiệt độ	ABB/TSP 121	6	Mẫu			
3	Thiết bị đo COD	Hach/SC1000	6	Mẫu			
4	Thiết bị đo TSS	Hach/SC1000	6	Mẫu			
5	Thiết bị đo Amoni	Hach/SC1000	6	Mẫu			
6	Thiết bị đo dầu mỡ khoáng	TriOS/ TriBox mini	6	Mẫu			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

7	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN100	Siemens/Sitrans F M Mag 5000/Sitrans F M Mag 5000 W	12	Mẫu			
8	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN150	Siemens/Sitrans F M Mag 5000/Sitrans F M Mag 5000 W	6	Mẫu			
9	Thiết bị đo lưu lượng ống kín đầu vào DN200	Siemens/Sitrans F M Mag 5000/Sitrans F M Mag 5000 W	12	Mẫu			
10	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở đầu ra	Hach/ SC200/U53	6	Mẫu			
11	Lập báo cáo đánh giá		1	Báo cáo			
B	**PHẦN KHÍ THẢI**						
I.	**Dịch vụ Kiểm định/Hiệu chuẩn phương tiện đo:**				25/04/2026	30/04/2026	
1	Phương tiện đo hàm lượng khí SO_2	EL3020/ABB	27	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa (2 lần/tổ máy/năm) - Sau khi khắc phục bất thường - Khi nhà máy kiểm tra bằng chất chuẩn nhưng sai số không đảm bảo 2. Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ, khí chuẩn, mẫu thử… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2	Phương tiện đo hàm lượng khí NOx	EL3020/ABB	27	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa (2 lần/tổ máy/năm) - Sau khi khắc phục bất thường - Khi nhà máy kiểm tra bằng chất chuẩn nhưng sai số không đảm bảo 2. Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ, khí chuẩn, mẫu thử… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn
3	Phương tiện đo hàm lượng khí CO	EL3020/ABB	27	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa (2 lần/tổ máy/năm) - Sau khi khắc phục bất thường - Khi nhà máy kiểm tra bằng chất chuẩn nhưng sai số không đảm bảo 2. Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ, khí chuẩn, mẫu thử… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn
4	Phương tiện đo hàm lượng khí O_2	EL3020/ABB	12	Thiết bị			
5	Phương tiện đo Nhiệt độ	3144P/ ROSEMOUNT	3	Thiết bị			
6	Phương tiện đo Áp suất	2051C/ ROSEMOUNT	3	Thiết bị			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

7	Phương tiện đo Bụi tổng	DSL340/ACOEM	27	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa (2 lần/tổ máy/năm) - Sau khi khắc phục bất thường 2. Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ, khí chuẩn, mẫu thử… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn
8	Phương tiện đo Lưu lượng	266MST/ABB	3	Thiết bị			
9	Phương tiện chuyển đổi NO2/NO		3	Thiết bị			1. Thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn: - Sau khi bảo dưỡng sửa chữa (1 lần/năm) - Sau khi khắc phục bất thường 2.Nhà thầu cung cấp các vật tư, công cụ dụng cụ, khí chuẩn, mẫu thử… phục vụ công tác kiểm định hiệu chuẩn
II.	**Dịch vụ quan trắc, phân tích mẫu đối chứng và lập báo cáo đánh giá cho trạm quan trắc (Số mẫu quan trắc tối thiểu: 06 mẫu/thông số/lần):**				15/05/2026	15/06/2026	Mỗi tổ máy thực hiện 1 lần/năm
1	SO_2	EL3020/ABB	12	Mẫu			
2	NOx	EL3020/ABB	12	Mẫu			
3	CO	EL3020/ABB	12	Mẫu			
4	O_2	EL3020/ABB	12	Mẫu			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

5	Nhiệt độ	3144P/ ROSEMOUNT	12	Mẫu			
6	Áp suất	2051C/ ROSEMOUNT	12	Mẫu			
7	Bụi tổng	DSL340/ACOEM	12	Mẫu			
8	Lưu lượng	266MST/ABB	12	Mẫu			
III	**Lập báo cáo kiểm soát chất lượng hệ thống trạm quan trắc**		2	Báo cáo			Mỗi tổ máy 1 báo cáo
C	**DỊCH VỤ KIỂM TRA KỸ THUẬT, BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG QTTĐ**						
I	**Trạm quan trắc nước thải công nghiệp**		1	Bộ	25/04/2026	30/04/2026	
1	Thiết bị đo lưu lượng đầu ra nước thải công nghiệp	SC200/ U53, HACH	1	Bộ			
1.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		1	lần			
1.2	Xử lý các bất thường (nếu có)		1	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
1.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		1	lần			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2	Thiết bị đo lưu lượng đầu vào nước thải (DN100)	SITRANS F M MAG 5000+/ SITRANS F M MAG 5100W	2	Bộ			
2.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		2	lần			
2.2	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
2.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		2	lần			
3	Thiết bị đo lưu lượng đầu vào nước thải (DN150)	SITRANS F M MAG 5000+/ SITRANS F M MAG 5100W	1	Bộ			
3.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		1	lần			
3.2	Xử lý các bất thường (nếu có)		1	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

3.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		1	lần			
4	Thiết bị đo lưu lượng đầu vào nước thải (DN200)	SITRANS F M MAG 5000+/ SITRANS F M MAG 5100W	2	Bộ			
4.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động.		2	lần			
4.2	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
4.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		2	lần			
5	Thiết bị đo pH	HACH	1	Bộ			
5.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		2	lần			
5.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).		2	lần			

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

5.3	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
6	Thiết bị đo nhiệt độ	TSP121-Y0, ABB	1	Bộ			
6.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị		1	lần			
6.2	Kiểm tra thiết bị đo bằng thiết bị chuyên dụng		1	lần			
6.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		1	lần			
7	Thiết bị đo chất rắn lơ lửng TSS	HACH	1	Bộ			
7.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị		2	lần			
7.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).		2	lần			
7.3	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
8	Thiết bị đo nhu cầu oxy hoá học COD	HACH	1	Bộ			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

8.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		2	lần			
8.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).		2	lần			
8.3	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
9	Thiết bị đo Amoni	HACH	1	Bộ			
9.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt độngđo		2	lần			
9.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).		2	lần			
9.3	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
10	Bộ màn hình điều khiển SC1000.	HACH	1	Bộ			
10.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		2	lần			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

10.2	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
10.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		2	lần			
11	Thiết bị đo tổng dầu mỡ khoáng	TriBox mini, Trios	1	Bộ			
11.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		2	lần			
11.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).		2	lần			
11.3	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
11.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		2	lần			
12	Thiết bị lấy và lưu mẫu tự động	D-Sampler/Dehan VN	1	Bộ			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

12.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		2	lần			
12.2	Kiểm tra các kết nối nguồn, kết nối tín hiệu trên thiết bị. Siết lại kết nối nếu cần thiết.		2	lần			
12.3	Vệ sinh đường ống hút mẫu, vị trí hút mẫu.		2	lần			
12.4	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
12.5	Kiểm tra khả dụng thiết bị (không ảnh hưởng đến việc tháo dỡ tem nghiêm phong của cơ quan chức năng trên các thiết bị liên quan)		2	lần			
13	Tủ điện		1	Bộ			
13.1	Vệ sinh tủ điện, siết đầu cos		2	lần			
13.2	Kiểm tra điện áp đầu vào, đầu ra, thời gian lưu trữ.		2	lần			
13.3	Kiểm tra các chế độ hoạt động của UPS đưa ra đánh giá.		2	lần			

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

13.4	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
14	Bơm hút mẫu		2	Bộ			
14.1	Kiểm tra hoạt động của bơm		4	lần			
14.2	Vệ sinh thùng chứa mẫu		2	lần			
14.3	Vệ sinh, thay thế vật tư cần thiết cho bơm		4	lần			
14.4	Kiểm tra chức năng hoạt động của bộ điều khiển bảo vệ bơm		2	lần			
14.5	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
14.6	Kiểm tra chế độ vận hành của 2 bơm (vận hành luân phiên, vận hành sự cố bơm)		2	lần			
II	**Trạm quan trắc kênh xả**		1	Bộ	25/04/2026	30/04/2026	
1	Thiết bị đo lưu lượng đầu ra nước làm mát (Thiết bị đo kênh hở)	dBMach 3 + Flowcert + MicroFlow/ Pulsar	1	Bộ			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		1	lần			
1.2	Vệ sinh đầu dò, bộ chuyển đổi		1	lần			
1.3	Xử lý các bất thường (nếu có)		1	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
1.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		1	lần			
2	Thiết bị đo nhiệt độ	TSP 121-YO, ABB	1	Bộ			
2.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị		1	lần			
2.2	Kiểm tra thiết bị đo bằng thiết bị chuyên dụng		1	lần			
2.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		1	lần			
3	Thiết bị đo Clo dư	9184SC, HACH	1	Bộ			
3.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị		2	lần			
3.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).		2	lần			

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

3.3	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
3.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		2	lần			
4	Thiết bị lấy và lữ mẫu tự động	D-Sampler/Dehan VN	1	Bộ			
4.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		2	lần			
4.2	Kiểm tra các kết nối nguồn, kết nối tín hiệu trên thiết bị. Siết lại kết nối nếu cần thiết.		2	lần			
4.3	Vệ sinh đường ống hút mẫu, vị trí hút mẫu.		2	lần			
4.4	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

4.5	Kiểm tra khả dụng thiết bị (không ảnh hưởng đến việc tháo dỡ tem nghiêm phong của cơ quan chức năng trên các thiết bị liên quan)		2	lần			
5	Tủ điện		1	Bộ			
5.1	Vệ sinh tủ điện, siết đầu cos		2	lần			
5.2	Kiểm tra điện áp đầu vào, đầu ra, thời gian lưu trữ.		2	lần			
5.3	Kiểm tra các chế độ hoạt động của UPS đưa ra đánh giá.		2	lần			
5.4	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
6	Bơm hút mẫu		2	Bộ			
6.1	Kiểm tra hoạt động của bơm		4	lần			
6.2	Vệ sinh thùng chứa mẫu		2	lần			
6.3	Vệ sinh, thay thế vật tư cần thiết cho bơm		4	lần			
6.4	Kiểm tra chức năng hoạt động của bộ điều khiển bảo vệ bơm		2	lần			

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

6.5	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
6.6	Kiểm tra chế độ vận hành của 2 bơm (vận hành luân phiên, vận hành sự cố bơm)		2	lần			
III	**Trạm quan trắc nước làm mát**		1	Bộ	25/04/2026	30/04/2026	
1	Thiết bị đo lưu lượng đầu vào nước làm mát DN2700	UFL30, KEIKI	4	Bộ			
1.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		4	lần			
1.2	Vệ sinh đầu dò, bộ chuyển đổi		4	lần			
1.3	Xử lý các bất thường (nếu có)		4	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
1.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		4	lần			
2	Thiết bị đo nhiệt độ	TSP 121-YO, ABB	1	Bộ			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị		1	lần			
2.2	Kiểm tra thiết bị đo bằng thiết bị chuyên dụng		1	lần			
2.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		1	lần			
3	Thiết bị đo Clo dư	9184SC, HACH	1	Bộ			
3.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị		2	lần			
3.2	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).		2	lần			
3.3	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
3.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		2	lần			
6	Tủ điện		1	Bộ			
6.1	Vệ sinh tủ điện, siết đầu cos		2	lần			
6.2	Kiểm tra điện áp đầu vào, đầu ra, thời gian lưu trữ.		2	lần			
6.3	Kiểm tra các chế độ hoạt động của UPS đưa ra đánh giá.		2	lần			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

6.4	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
7	Bơm hút mẫu		2	Bộ			
7.1	Kiểm tra hoạt động của bơm		4	lần			
7.2	Vệ sinh thùng chứa mẫu		2	lần			
7.3	Vệ sinh, thay thế vật tư cần thiết cho bơm		4	lần			
7.4	Kiểm tra chức năng hoạt động của bộ điều khiển bảo vệ bơm		2	lần			
7.5	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
7.6	Kiểm tra chế độ vận hành của 2 bơm (vận hành luân phiên, vận hành sự cố bơm)		2	lần			
IV	**Trạm quan trắc nước ngọt**		1	Bộ	25/04/2026	30/04/2026	
1	Thiết bị đo lưu lượng DN400	UFW100, TOKYO KEIKI	2	Bộ			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

1.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		2	lần			
1.2	Vệ sinh đầu dò, bộ chuyển đổi		2	lần			
1.3	Thực hiện hiệu chuẩn thiết bị và kiểm tra độ ổn định của thiết bị. Đưa khuyến cáo (nếu có)		2	lần			
1.4	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
1.5	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		2	lần			
2	Tủ điện		1	Bộ			
2.1	Vệ sinh tủ điện, siết đầu cos		2	lần			
2.2	Kiểm tra điện áp đầu vào, đầu ra, thời gian lưu trữ.		2	lần			
2.3	Kiểm tra các chế độ hoạt động của UPS đưa ra đánh giá.		2	lần			
2.4	Xử lý các bất thường (nếu có)		2	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

V	**Trạm quan trắc khói thải**		2	Bộ	25/04/2026	30/04/2026	
1	Thiết bị phân tích nồng độ bụi khói thải (PM)	DSL340/ACOEM	2	Bộ			
1.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		4	lần			
1.2	Tháo/lắp thiết bị ra khỏi điểm đo, vệ sinh cảm biến và thấu kính phản xạ, vị trí lắp đặt		4	lần			
1.3	Kiểm tra bảo dưỡng quạt , lọc bụi và đường khí thổi làm sạch.		4	lần			
1.4	Thay thế vật tư định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).		4	lần			
1.5	Căn chỉnh thiết bị theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất thiết bị.		4	lần			
1.6	Xử lý các bất thường (nếu có)		4	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
1.7	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		4	lần			
2	Thiết bị đo lưu lượng khói thải	266MST/ABB	2	Bộ			
2.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		4	lần			

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2.2	Vệ sinh đầu Pitot và vị trí lắp đặt bằng khí nén.		4	lần			
2.3	Hiệu chuẩn thiết bị transmitter áp suất.		4	lần			
2.4	Lắp đặt lại thiết bị về vị trí ban đầu.		4	lần			
2.5	Xử lý các bất thường (nếu có)		4	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
2.6	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		4	lần			
3	Thiết bị cảm biến nhiệt độ khói thải	3144P/ROSEMOUNT	2	Bộ			
3.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị		4	lần			
3.2	Kiểm tra thiết bị đo bằng thiết bị chuyên dụng		4	lần			
3.3	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger		4	lần			
4	Thiết bị đo áp suất khói thải	2051C/ROSEMOUNT	2	Bộ			
4.1	Kiểm tra, vệ sinh thiết bị và đánh giá tình trạng hoạt động		4	lần			
4.2	Vệ sinh đầu Pitot và vị trí lắp đặt bằng khí nén.		4	lần			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

4.3	Hiệu chuẩn thiết bị transmitter áp suất.		4	lần			
4.4	Xử lý các bất thường (nếu có)		4	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
4.5	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị, màn hình Datalogger.		4	lần			
5	Hệ thống phân tích SO2, NOx, CO, O2 khói thải	EL3020/ABB	2	Bộ			Mỗi tổ máy 01 bộ, 1 năm thực hiện 02 lần bảo dưỡng
5.1	Kiểm tra đánh giá tình trạng hoạt động của các thiết bị (bao gồm các thiết bị lấy mẫu, xử lý mẫu, bộ phân tích...)		4	lần			
5.2	Vệ sinh, thông tắc các đường dẫn khí.		4	lần			
5.3	Thực hiện thay thế đường ống dẫn khí (nếu cần).		4	lần			
5.4	Thay thế các vật tư tiêu hao định kỳ theo khuyến cáo nhà sản xuất (nhà máy cấp vật tư).		4	lần			Thực hiện trong cùng đợt kiểm định
5.5	Kiểm tra hiệu suất bộ chuyển đổi NO2/NO bằng khí chuẩn (thay thế nếu cần).		4	lần			Thực hiện trong cùng đợt kiểm định

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

5.7	Xử lý các bất thường (nếu có)		4	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
VI	**Màn hình LED**		1	Bộ	15/05/2026	25/05/2026	
1	Màn hình 2x3		1	Bộ			
1.1	Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị.		1	lần			
1.2	Kiểm tra vệ sinh, siết cầu đấu hộp kỹ thuật		1	lần			
1.3	Xử lý các bất thường (nếu có)		6	lần			Đối với trường hợp xử lý bất thường, NM có thể yêu cầu đơn vị xử lý bất cứ thời gian sự cố trong năm Thời gian có mặt để khắc phục bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của nhà máy
1.4	Kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên màn hình thiết bị và máy tính server		1	lần			
D	**DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHỈNH THIẾT BỊ ĐO PHÒNG THÍ NGHIỆM**						
I	**Thiết bị phân tích**						Từ tháng 5/2026 đến tháng 10/2026
1	Máy đo pH trong nước	Inolab ® pH 7110	1	Thiết bị			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

2	Máy đo độ dẫn điện trong nước	InoLab ® Cond 7110	1	Thiết bị			
3	Máy đo PH	Seven Direct SD20	1	Thiết bị			
4	Máy đo độ dẫn điện	Seven Direct SD 30	1	Thiết bị			
5	Máy quang phổ	DR6000	1	Thiết bị			
6	Máy gia nhiệt xác định COD trong nước	DRB 200	1	Thiết bị			
7	Máy đo hàm lượng Na trong nước	HK51	1	Thiết bị			
8	Máy đo tỷ trọng để bàn	Anton Paar DMA 4101	1	Thiết bị			
9	Thiết bị đo oxy hòa tan di động	Orbisphere 31100	1	Thiết bị			
10	Máy đo độ đục phòng thí nghiệm	TU 5200	1	Thiết bị			
11	Tủ sấy dụng cụ đối lưu tự nhiên -	OGH-180S	2	Thiết bị			
12	Cân phân tích 4 số lẻ	maximum 220g - Entris224i-1S	2	Thiết bị			
13	Tủ sấy đối lưu cưỡng bức	AX120 230SN	1	Thiết bị			
14	Lò nung phân tích than -	AAF1103-230SN	1	Thiết bị			
15	Lò nung phân tích chất bốc của than-	CWF1105 230SN	1	Thiết bị			
16	Lò nung Naberthem -	LVT 15/11	1	Thiết bị			
17	Máy phân tích cacbon - Lưu huỳnh	CS-580	1	Thiết bị			
18	Thiết bị đo nhiệt trị của than	IKA	2	Thiết bị			
19	Máy phân tích cacbon - Lưu huỳnh	Elementrac CS	1	Thiết bị			
20	Thiết bị đo nhiệt nóng chảy của tro xỉ	CAF - G5	1	Thiết bị			
21	Tủ sấy	Memmert UF450	1	Thiết bị			
22	Cân phân tích 4 số lẻ	PRACTUM 124-1S	2	Thiết bị			
23	Cân phân tích 2 số lẻ	PIONEER PX3202	2	Thiết bị			
24	Bộ xác định hàm lượng nước trong dầu -	Aquamax KF Portable	1	Thiết bị			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

25	Thiết bị đo độ nhớt -	Viscol – 10A	1	Thiết bị			
26	Thiết bị đo trị số Acid trong dầu -	Titramax VT TAN/TBN	1	Thiết bị			
27	Máy kiểm tra độ sạch của dầu		1	Thiết bị			
28	Cân phân tích 4 số lẻ -	ABN-224	1	Thiết bị			
29	Tủ Sấy dụng cụ -	TIN-TF400	1	Thiết bị			
30	Máy chớp cháy cốc hở -	Oilab 670 - Cleveland	1	Thiết bị			
31	Máy đo điểm chớp cháy cốc kín -	Oilab 600 - Pensky Martens	1	Thiết bị			
II	**Công cụ dụng cụ**						
1	Pipet		1	Cái			
2	Pipet		1	Cái			
3	Pipet		1	Cái			
4	Pipet		1	Cái			
5	Pipet		1	Cái			
6	Pipet		1	Cái			
7	Bộ Quả cân		1	Bộ			
8	Nhiệt ẩm kế		2	Cái			
9	Bình định mức		2	Cái			
10	Bình định mức		6	Cái			
11	Bình định mức		3	Cái			
12	Sàng		1	Cái			
13	Sàng		1	Cái			
14	Sàng		1	Cái			
E	**VẬT TƯ TIÊU HAO, THAY THẾ, DUNG DỊCH HIỆU CHUẨN**						
I	**Vật tư tiêu hao, thay thế**						
1	Standard Cell Solution	Hach	2	Cái			
2	Salt bridge PEEK, PVDF junctions, for pHD sensor	Hach	2	Cái			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

3	Peek Salt Bridge, PVDF Outer-Junction	Hach	2	Cái			
4	Peek Salt Bridge, Ceramic Outer-Junction	Hach	2	Cái			
5	Salt bridge for pHD sensor, outer-junction, PPS Salt Bridge, PVDF	Hach	2	Cái			
6	Set of wiper blades 3/5mm	Hach	1	Cái			
7	Cartrical sensor cartridge for AN-ISE sc/A- ISE sc/N-ISE sc	Hach Germany	1	Cái			
8	Membrabe, complete, box of 4 PCS	Hach	8	Cái			
9	9184sc HOCl Chlorine Sensor	Hach	4	Cái			
10	Gel bôi cho các sensor đo sóng siêu âm	Hach	5	Cái			
11	Disposable filter 50K	ABB Germany	2	Cái			
12	Filter element for acid filter PN: 8018013	ABB Germany	3	Cái			
13	Condensate trap	ABB Germany	2	Bộ			
14	Filter insert (PN: 990048)	ABB Germany	2	Bộ			
15	Bộ cảm biến đo O2 điện hóa	ABB Germany	2	Cái			
16	Bo mạch điều khiển nhiệt độ của mô-đun Uras26	ABB Séc	1	Cái			
17	Adopt catalytic conversion principle: restore NO2 to NO Stable temperature controlling system Low temperature conversion (180℃), temperature is adjustable, Fast response	ZETIAN China	1	Cái			
18	filter stone P/N: 730682	ABB Germany	2	Cái			
19	Set of gaskets FPM P/N:730721	ABB Germany	2	Cái			
20	Replacement electrode for the 9184 sc	Hach	2	Cái			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

21	9184sc TFC Chlorine Sensor With pH	Hach	2	Cái			
22	pH electrode	Hach	2	Cái			
23	Optical filter SO2 (A-LP6600)	ABB Germany	1	Cái			
24	Cảm biến lưu lượng của bộ cấp khí SCC-F	ABB Germany	1	Cái			
25	flowmeter glass for FM40; 10-100 l/h	ABB Germany	1	Cái			
26	lower part for flowmeter	ABB Germany	1	Cái			
27	upper part for flowmeter	ABB Germany	1	Cái			
28	Bộ phận Cảm biến độ ẩm	ABB Germany	1	Cái			
29	Probe tube 40, length 1500 mm, 500°C	ABB Germany	2	Cái			
II	**Dung dịch hiệu chuẩn**						
1	Dung dịch chuẩn dầu mỡ khoáng Oil in water 10 mg/L.	NSI USA	5	Chai			
2	Dung dịch chuẩn dầu mỡ khoáng Oil in water 15 mg/L.	NSI USA	5	Chai			
3	Dung dịch chuẩn dầu mỡ khoáng Oil in water 5 mg/L.	NSI USA	5	Chai			
4	Dung dịch chuẩn NH4 + (Amoni tính theo Nito) 15mg/L.	NSI USA	5	Chai			
5	Dung dịch chuẩn NH4 + (Amoni tính theo Nito) 10mg/L.	NSI USA	5	Chai			
6	Dung dịch chuẩn NH4 + (Amoni tính theo Nito) 5mg/L.	NSI USA	5	Chai			
7	Dung dịch chuẩn COD (200mg/L).	NSI USA	5	Chai			
8	Dung dịch chuẩn COD (150mg/L).	NSI USA	5	Chai			
9	Dung dịch chuẩn COD (100mg/L).	NSI USA	5	Chai			
10	Dung dịch chuẩn TSS (100mg/L).	NSI USA	5	Chai			
11	Dung dịch chuẩn TSS (150mg/L).	NSI USA	5	Chai			

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

12	Dung dịch chuẩn TSS (50mg/L).	NSI USA	5	Chai			
13	Dung dịch chuẩn Clo dư (1mg/L).	Việt Nam hoặc tương đương	5	Chai			
14	Dung dịch chuẩn Clo dư (3mg/L).	Việt Nam hoặc tương đương	5	Chai			
15	Dung dịch chuẩn Clo dư (5mg/L).	Việt Nam hoặc tương đương	5	Chai			

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ gồm các phần như sau:

Nhà thầu phải nêu cụ thể biện pháp kỹ thuật/tổ chức thi công, bám sát phạm vi công việc và phù hợp với thực tế tại NMNĐ Thái Bình 2. Biện pháp kỹ thuật/biện pháp tổ chức thi công phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

- Phạm vi khối lượng dịch vụ.
- Các bước thực hiện công việc theo yêu cầu của gói thầu (nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị vật tư, dung cụ,....).
- Liệt kê danh mục thiết bị/máy móc phục vụ công tác kiểm định, hiệu chuẩn đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước.
- Nhân sự thi công.
- An toàn lao động, Phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, có bảng phân tích rủi ro và phương án phòng ngừa.
- Bảng tiến độ chi tiết thực hiện.
- Các nội dung khác liên quan do nhà thầu đề xuất.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Đối với công tác nghiệm thu, Nhà thầu phối hợp với Bên mời thầu tiến hành nghiệm thu công việc theo Quy trình của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Bất khả kháng" là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa; 1.2. "Bên" là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp. 1.3. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại **ĐKCT**; 1.4. "Dịch vụ phi tư vấn" là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, nghiệm thu chạy thử, chụp ảnh vệ tinh; in ấn; vệ sinh; truyền thông; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và hoạt động dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 22 Điều 3 của QĐMS; 1.5. "Địa điểm cung cấp dịch vụ" là địa điểm được quy định tại **ĐKCT;** 1.6. "Giá hợp đồng" là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.8. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.9. "Năm" là năm dương lịch; 1.10. "Ngày" là ngày dương lịch; 1.11. "Nhà thầu" là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**; 1.12. "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc phi tư vấn; 1.13. "Tài liệu Hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.14. "Tháng" là tháng dương lịch;

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	1.15. "Thời gian thực hiện hợp đồng" được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày nghiệm thu hoàn thành cung cấp toàn bộ dịch vụ theo quy định hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 **ĐKC** (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) **ĐKC**T của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) **ĐKC** của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng; g) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu (nếu có); h) HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại **ĐKCT**.
3. Luật và ngôn ngữ	3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam; 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại **ĐKCT**. Thuật ngữ "bằng văn bản" có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau: a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại **ĐKCT**. 5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng. 5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.
6. Ký hợp đồng thầu phụ	6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu. 6.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 6.1 **ĐKC** thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT**. 6.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT. 6.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT**.
7. Phạm vi cung cấp	Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại Chương IV được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

8. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 10A hoặc Mẫu số 10B hoặc Mẫu số 10C hoặc Mẫu số 10D Chương IV.
9. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 **ĐKC** và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 8 **ĐKC**.
10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	10.1. Loại hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**. 10.2. Giá hợp đồng được ghi tại **ĐKCT** là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.
11. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
12. Tạm ứng	12.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại **ĐKCT**, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. 12.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.
13. Thanh toán	13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. 13.2. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại **ĐKCT.** 13.3. Đồng tiền thanh toán là: VND.
14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	14.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 14.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 14.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 14.1 **ĐKC** và Mục 14.2 **ĐKC** không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 14.4. Các quy định tại Mục 14 **ĐKC** không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ. 14.5. Các quy định tại Mục 14 **ĐKC** tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
15. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại **ĐKCT**.
16. Bất khả kháng	16.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 16.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 16.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 16.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 16.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.
17. Sửa đổi hợp đồng	17.1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; c) Các nội dung khác quy định tại **ĐKCT**. 17.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng tuân thủ quy định Điều 74 của QĐMS. 17.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết. b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư. c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. 17.4. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây: a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại **ĐKCT** đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.
18. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư; d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	e) Các trường hợp khác quy định tại **ĐKCT.** Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.
19. Chấm dứt hợp đồng	19.1. Chấm dứt hợp đồng do vi phạm a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về vi phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau: (i) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; (ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng; (iii) Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản; (iv) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng. b) Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 **ĐKC**, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện. c) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây: - Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 22 **ĐKC** về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán; - Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng. 19.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.
20. Phát hiện và khắc phục sai sót	20.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại **ĐKCT**. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại **ĐKCT**. 20.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục. Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 15 **ĐKC**.
21. Nhân sự	21.1. Nhà thầu phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong HSDT để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó. 21.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại **ĐKCT**, Nhà thầu phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu.
22. Giải quyết tranh chấp	22.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại **ĐKCT**

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại **ĐKCT**.

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKC**T phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành HSMT.

ĐKC 1.3	Chủ đầu tư: Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam. Mã số thuế: 0100681592-036 - Đại diện Chủ đầu tư: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên. Điện thoại: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678
ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
ĐKC 1.11	Nhà thầu:_____ [*ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu*].
ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Không yêu cầu.
ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên. Điện thoại: 02273.721.515 Fax: 02273.721.678
ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành
ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo Hợp đồng.
ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng
ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
ĐKC 10.1	Loại hợp đồng*:* Đơn giá cố định
ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định.
ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 12.1	Tạm ứng: 10% giá trị Hợp đồng trước thuế. Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10% giá trị Hợp đồng trước thuế trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực và sau khi Bên mời thầu nhận đủ bộ hồ sơ hợp lệ như sau: - Công văn đề nghị tạm ứng: 01 bản gốc; - Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng theo Mẫu của HSMT hoặc mẫu khác được Bên A chấp thuận: 01 bản gốc; - Bảo lãnh tạm ứng tương đương với giá trị tạm ứng theo Mẫu của HSMT hoặc mẫu khác được Bên A chấp thuận: 01 bản gốc; Bên B phải có cam kết khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng. Bên B sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích. Giá trị tạm ứng này sẽ được Bên A thu hồi dần qua các đợt thanh toán và phải bảo đảm thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá Hợp đồng đã ký kết, tỷ lệ thu hồi tạm ứng từng đợt thanh toán là 12,5% giá trị thanh toán trước thuế của từng đợt.
ĐKC 13.1	- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam. - Thanh quyết toán: Thanh quyết toán từng đợt. - Trên cơ sở kết quả thực hiện công việc của Bên B được Bên A nghiệm thu, Bên A sẽ thanh toán cho bên B giá trị 100% khối lượng công việc hoàn thành thực tế theo đợt theo đơn giá cố định tương ứng với phần công việc trong Hợp đồng. Bên B có trách nhiệm lập ba (03) bộ hồ sơ thanh toán hợp đồng (Bên A giữ 02

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

	bộ, Bên B giữ 01 bộ). Bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm: + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B: 03 bản gốc. + Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng bằng 100% giá trị đợt thanh toán: 03 bản. *(Gửi đường link hóa đơn vào địa chỉ email: hoadontb2@pvpgb.vn)* + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành được đại diện các Bên ký xác nhận: 03 bản gốc; + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành được đại diện các Bên ký xác nhận: 03 bản gốc; + Các giấy tờ khác có liên quan. - Thời gian thanh toán: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận được đầy đủ Hồ sơ thanh quyết toán hợp lệ. - Thanh lý: Hợp đồng tự động thanh lý ngay sau khi các Bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ liên quan theo quy định của Hợp đồng. Trong trường hợp Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,…) kiểm tra và có ý kiến về giá trị quyết toán/thanh toán thì hai bên thống nhất sẽ thực hiện theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng
ĐKC 15	Áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại. 1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 **ĐKC**, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với :01%/ngày giá trị công việc chậm thực hiện cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 08%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 **ĐKC**. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100 % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Việc hiệu chỉnh và bổ sung Hợp đồng (nếu có) sẽ được các bên đàm phán thống nhất trong thời gian thực hiện Hợp đồng và tuân thủ QĐMS.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 00% giá trị giảm giá hợp đồng.
ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Không quy định
ĐKC 20.1	Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Chủ đầu tư thực hiện công tác đánh giá việc hoàn thành chất lượng dịch vụ dựa vào tình hình thực tế, báo cáo của các bộ phận liên quan đến công tác nghiệm thu chất lượng hoàn thành dịch vụ theo phạm vi công việc của hợp đồng. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 02 ngày
ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 02 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
ĐKC 22.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. - Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh tranh chấp hoặc bất đồng thì Hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, hiểu biết lẫn nhau và cùng có lợi. Trong trường hợp Hai bên không tự giải quyết được thì tranh chấp, bất đồng đó sẽ đưa ra xét xử tại Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo pháp luật hiện hành của Nước CHXHCN Việt Nam. Quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng, Các Bên phải chịu án phí liên quan đến việc kiện cáo theo kết quả phán quyết của toà án.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 13

THƯ CHẤP THUẬN HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG[1]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu]* (sau đây gọi tắt là "Nhà thầu")

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số___ ngày___ tháng___ năm___ của _____*[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư") về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu_____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư_____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu____*[ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu]* với giá hợp đồng là _____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là___ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:___ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];*

- Địa chỉ phương tiện điện tử:___*[ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)…];*

- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:___ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm[2]____ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của HSMT với số tiền___ và thời gian hiệu lực___ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 **ĐKCT** của HSMT]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày___tháng___năm___[3] mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 14

HỢP ĐỒNG[1]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ *[ghi tên gói thầu]*

- Căn cứ[2] ___*(Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015);*

- Căn cứ[2]____*(QĐMS);*

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* và Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư*:*

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ngày ___tháng ___năm ___*(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu*:*

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

---

[1] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với ĐKCT.

[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);

2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

4. **ĐKCT**;

5. **ĐKC**;

6. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

7. HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có);

8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại **ĐKCT** của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại **ĐKC** và **ĐKCT** của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *__[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

2. Phương thức thanh toán: *___[ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 **ĐKCT**].*

Điều 6. Loại hợp đồng: ____ *[ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 10.1 **ĐKCT**].*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, phù hợp với quy định tại Mục 8 **ĐKC**, HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá :_____[*trích xuất theo Mục 27.2 CDNT]* giá hợp đồng.

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ___ *[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành __ bộ, Chủ đầu tư giữ __ bộ, nhà thầu giữ___ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

dungpt - 14:44 15/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 15

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư")

Theo đề nghị của ____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là "Hợp đồng"); (1)

Theo quy định trong HSMT *(hoặc hợp đồng)*, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng(2)]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là____ *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 **ĐKC**T của HSMT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán/chi trả toàn bộ số tiền bảo lãnh theo yêu cầu của Chi nhánh trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu bằng văn bản từ Chủ đầu tư/Chi nhánh thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày___ tháng__ năm___(3).

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là "Nhà thầu") là nhà thầu trúng thầu gói thầu____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số__ [ghi số hợp đồng] ngày__ tháng___ năm___ (sau đây gọi là "Hợp đồng")."

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

*(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 **ĐKC**T.*

Lưu ý: Chủ đầu tư không đồng ý sử dụng Bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hải Phòng.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 16

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG [1]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi:___ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư ")

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ___ *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại___ *[ghi địa chỉ của ngân hàng[2]]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 **ĐKC**T của HSMT]* trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu bằng văn bản từ Chủ đầu tư/Chi nhánh.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày___ tháng___ năm___ [3] hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

*(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 **ĐKC**T.*

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

Lưu ý: Chủ đầu tư không đồng ý sử dụng Bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hải Phòng.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026

Mẫu số 17

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____*[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu],* là người đại diện theo pháp luật của ____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____*[ghi tên gói thầu]* do ____*[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp][2].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____*[ghi tên nhà thầu]*. ____*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ___bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 991/QĐ-PTM/2026